

Bản án số: 55/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 15/5/2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Tám;

2. Bà Lò Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 15/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST – HNGĐ ngày 20/02/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX - ST ngày 21/4/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D – Sinh năm 1995 "có mặt".

Nơi ĐKKHKT: Bản P L, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Vàng A K, sinh năm 1993 “vắng mặt”.

NĐKKHKT: Bản P L, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay: Đang chấp hành án tại đội 06, phân trại số 01, trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/02/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Sùng Thị D (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Kinh lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 24/6/2014. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Đến năm 2017 thì chồng tôi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt tù chung thân. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 06, phân trại số 01, trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an.

Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Kinh không còn, nên tôi làm đơn này xin được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Kinh.

2. *Về con chung*: Chị Dính khai vợ chồng có 02 con chung là: Vàng Thị Mo, sinh ngày 03/9/2012 và Vàng Nhập Du, sinh ngày 13/4/2016.

Chị Dính có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Vàng A K (bị đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Tôi và cô Dính lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng chúng tôi vẫn không có tiếng nói chung và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017. Do tôi vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù chung thân, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay cô Dính làm đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung*: Anh Kinh khai vợ chồng có 02 con chung là Vàng Thị Mo, sinh ngày 03/9/2012 và Vàng Nhập Du, sinh ngày 13/4/2016.

Nguyện vọng của anh Kinh là do hiện nay anh Kinh đang phải chấp hành án nên anh Kinh yêu cầu giao 02 con chung cho chị Dính chăm sóc cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dính phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Dính đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005143 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Sùng Thị D, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dính xin ly hôn với anh Kinh, anh Kinh có hộ khẩu thường trú tại xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Dính và anh Kinh kết hôn năm 2014, đến năm 2023 thì chị Dính khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Vàng A K lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung

sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và do anh Kinh vi phạm pháp luật và đang chấp hành án. Chị Dính xác định tình cảm của mình đối với anh Kinh không còn nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị Dính vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kinh. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Dính khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dính và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Sùng Thị D và anh Vàng A K.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là: Vàng Thị Mo, sinh ngày 03/9/2012 và Vàng Nhập Du, sinh ngày 13/4/2016.

Chị Dính có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Vàng Thị Mo và Vàng Nhập Du là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại bản tự khai của anh Vàng A K là có nguyện vọng giao cả 02 con cho chị Dính nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh Kinh đang phải chấp hành án nên không thể giao con cho anh Kinh nuôi được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Dính và giao cháu Mo và cháu Du cho chị Dính trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dính không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dính phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Dính đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005143 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì lý do đang phải chấp hành án trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an, không có điều kiện tham gia phiên tòa, nên bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Cho chị Sùng Thị D được ly hôn với anh Vàng A K.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Dính và giao 02 con chung là cháu Vàng Thị Mo, sinh ngày 03/9/2012 và Vàng Nhập Du, sinh ngày 13/4/2016 cho chị Dính trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Dính về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dính phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Dính đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005143 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Dính đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã M N, H ĐB;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Vũ Văn Tám

Lường Văn Lương

Lò Thị Thanh Bình